

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/07/2022

“V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Danh On**

2/ Bà **Ngô Hồng Xuân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà **Lê Huyền Mao** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 07 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 103/2022/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2022 về việc *“Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị Ý N**, sinh năm 2001

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Anh **Danh Q**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin vắng, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh Q có tổ chức đám cưới vào năm 2019 và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 18/6/2019. Sau khi đám cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay xảy ra cãi nhau, anh Q thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng chị N, anh Q đã ly thân với nhau từ khoảng tháng 4 năm 2020 đến nay. Từ khi ly thân đến nay chị N và anh Q không có tìm cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Từ lúc vợ chồng tôi ly thân đến nay thì chị N về bên nhà cha mẹ ruột của tôi ở ấp T, xã H sinh sống. Còn anh Q thì vẫn ở tại nhà cha mẹ ruột của anh Q ở ấp N, xã H. Nay chị N nhận thấy không thể tiếp tục

cuộc sống hôn nhân với anh Danh Q được nữa nên chị N xin được ly hôn với anh Danh Q.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị N, anh Q có với nhau 02 người con chung là cháu P, sinh năm 16/8/2018 và cháu T, sinh ngày 13/12/2020. Hiện tại cháu P, sinh năm 16/8/2018 đang sống cùng với anh Q và cháu T, sinh ngày 13/12/2020 đang sống cùng với chị N. Khi ly hôn chị N đồng ý để anh Q tiếp tục nuôi cháu P và chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T. Chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị N không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn anh Danh Q: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có xuống địa phương để tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như làm việc với anh Danh Q tuy nhiên anh Q không có mặt tại địa phương. Qua xác minh chính quyền địa phương thì được biết anh Danh Q hiện tại không có mặt tại địa phương nhưng anh Q vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và anh Q vẫn có đi và về địa phương nhưng không biết chính xác khi nào anh Q về. Do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Q đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Thị Ý N. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Danh Q chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Cho chị N được ly hôn với anh Danh Q.

+ Về con chung: Tiếp tục giao cháu P, sinh năm 16/8/2018 cho anh Q trong nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tiếp tục giao cháu T, sinh ngày 13/12/2020 cho chị N trong nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi vợ chồng chị N, anh Q ly hôn. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu.

+ Về tài sản: Không đặt ra xem xét giải quyết do chị N không yêu cầu.

+ Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn chị N khởi kiện xin ly hôn và nuôi con với bị đơn Q. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, xã H, huyện H nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt; Bị đơn anh Q đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N và anh Q căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

- Về nội dung vụ án:

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q, thấy rằng: Chị N và anh Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 18/6/2019 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị N trình bày sau khi đám cưới vợ chồng chị N, anh Q chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm, sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, anh Q thường hay nhậu nhẹt không chăm lo cho gia đình và xảy ra cãi vã với chị N nên vợ chồng chị N, anh Q đã ly thân với nhau từ khoảng tháng 4 năm 2020 đến nay. Từ khi ly thân đến nay chị N và anh Q không có tìm cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Q, tuy nhiên qua xác minh đối với ông Huỳnh Minh G là trưởng ấp N, xã H nơi vợ chồng chị N, anh Q chung sống trước khi ly thân thì được ông G cho biết giữa chị N và anh Q khi còn sống chung tại địa phương thường xuyên xảy ra cãi nhau đồng thời cả hai đã không còn sống chung với nhau khoảng 01 năm nay. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của chị N và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh Danh Q.

[4] Về quan hệ con chung: Chị N xác định quá trình chung sống vợ chồng chị N, anh Q có với nhau 02 người con chung là cháu P, sinh năm 16/8/2018 và cháu T, sinh ngày 13/12/2020. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì cháu P sống cùng với anh Q và cháu T sống cùng với chị N. Khi ly hôn chị N đồng ý để anh Q tiếp tục nuôi cháu P và chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T. Chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Mặc khác, Tòa án cũng có tiến hành xác minh ông Huỳnh Minh G là trưởng ấp N, xã H thì được ông G cho biết vợ chồng chị N, anh Q có với nhau hai người con chung gồm một người con trai và một người con gái nhưng ông G không rõ họ tên các con của vợ chồng anh Q, chị N. Đối với người con trai lớn hiện tại đang sống cùng với anh Q, còn người con gái nhỏ hiện tại đang sống cùng với chị N từ khi vợ chồng chị N, anh Q ly thân đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị N và anh Q ly thân đến nay thì người con nhỏ của vợ chồng chị N, anh Q là cháu T sống cùng với chị N còn cháu P thì sống cùng với anh Q. Để không làm xáo trộn cuộc sống ổn định của cháu P và cháu T cũng như không làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của các cháu cần nên tiếp tục giao cháu P cho anh Danh Q chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tiếp tục giao cháu T, sinh ngày cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi vợ chồng chị N, anh Q ly hôn. Chị N và anh Q có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Buộc chị N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Anh Q không phải chịu án phí.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Cho chị N được ly hôn với anh Q.

2. Về quan hệ con chung:

Tiếp tục giao cháu P, sinh năm 16/8/2018 cho anh Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi vợ chồng ly hôn.

Tiếp tục giao cháu T, sinh ngày 13/12/2020 cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi vợ chồng ly hôn.

Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu. Anh Q và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch số tiền là 300.000 đồng. Chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu số 0006208 ngày 21/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện H (2b);
- CC.THADS huyện H (1b);
- UBND xã H (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Tú Anh